

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022

V/v: “xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Ngô Văn Đức

Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân N sơ thẩm thụ lý số: 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Hồng L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 42/AT ấp M, xã N, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị L và bị đơn anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022 nguyên đơn chị Sơn Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh N cưới nhau vào năm 2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/4/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc có được 01 con chung là Nguyễn Sơn Công Hậu, sinh ngày 15/4/2019, đến tháng 10 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay bất hòa làm tình

cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, từ đó anh N lấy lý do đi làm ăn xa đã đi luôn từ tháng 10/2019 đến nay nên vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Sơn Công H, sinh ngày 15/4/2019, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn N, Tòa án có thông báo cho anh N tham gia hòa giải giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh N đi làm xa không tham dự được và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh theo luật định, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N. Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Sơn Công H, sinh ngày 15/4/2019, đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị L. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Sơn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn N cưới nhau vào năm 2018, hôn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/4/2019. Do đó, hôn N của chị L và anh N là

hôn N hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, trong thời gian ly thân thì hai bên cũng không thể hòa giải hàn gắn được. Nay chị L xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N, và anh N cũng không muốn hòa giải hàn gắn mà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo luật định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn N của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn N không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn N và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Sơn Công H, sinh ngày 15/4/2019, hiện con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, xét bé H nay chỉ 3 tuổi và đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng nên xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị L là phù hợp có căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn N và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: nguyên đơn chị L khai không có

[4] Về nợ chung: nguyên đơn chị L khai không có.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn N sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59, 81,83,84 Luật Hôn N và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sơn Thị Hồng L đối với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Sơn Công H, sinh ngày 15/4/2019 cho chị Sơn Thị Hồng L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: nguyên đơn chị L khai không có.

4. Về nợ chung: nguyên đơn chị L khai không có.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị L phải nộp. Chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004036 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân chị L đã nộp xong

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp L, để yêu cầu Tòa án tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã B (Trần Đề, Sóc Trăng);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Mỹ Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường

Trịnh Thị Hồng Thắm

Nguyễn Duy Linh